TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2023/HS-ST
Ngày 19-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đẩu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khương** và Ông **Danh Chung**

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà **Trần Thị Huyền Trang**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giangtham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023, về tội "Trộm cắp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Danh Minh L, sinh ngày 01/01/1988 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ 13, Khu phố ML, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Ngư phủ; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh N, sinh năm 1964 và bà Trần Thị T, sinh năm 1967; Vợ là Thị M (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân bị cáo: Vào năm 2007 bị cáo bị Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh KG xử phạt 04 tháng 02 ngày tù, về tội "Trộm cắp tài sản", tại bản án số: 95/2007/HSST ngày 16/11/2007. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh **Danh Hoài P**, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: KP. MA, TT. ML, huyện CT, KG.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trương Thanh V**, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 232 CMT8, KP. 1, P. VL, TP. RG, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ, ngày 05/11/2021 Danh Hoài P điều khiển xe mô tô biển số 68C1-568.80 đi đến nhà Danh Thị Bé Th, sinh năm 1990 tại tổ 8, khu phố MA, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG để tham gia uống rượu. Tại đây, Th tổ chức uống rượu cùng P, Danh L, Thị Kim K, Đặng Văn P1 (tên gọi khác là T) và Danh Minh L. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Kiểm nghỉ nhậu và đi về nhà. P và L cũng lên võng nhà Th ngủ, Th qua nhà mẹ ruột gần bên để ngủ còn L và P1 ra hàng ba nhà Th ngồi nói chuyện. Một lúc sau, P1 rủ L đi chơi thì L đồng ý và nói vào nhà mượn xe. L vào nhà Th, thấy P và L nằm nhắm mắt, L thấy chìa khóa xe mô tô để trong nón kết dưới đất gần võng P đang nằm nên L lấy chìa khóa xe mô tô đưa cho Phê và nói là xe L mượn. Sau đó, Phê chở L đến nhà bạn của Phê ở Rạch Giá và Phê ở lại nhậu, còn L chạy xe mô tô của P đi chơi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, P thức dậy thì thấy mọi người đã về hết và không thấy chiếc xe của P đâu nên P hỏi lại thì được biết L đã lấy xe của P. Đến ngày 10/11/2021, do cần tiền tiêu xài, L đem xe của P đến cầm tại tiệm cầm đồ V 111 tại địa chỉ Số 232 CMT8, KP. 1, P. VL, TP. RG, tỉnh KG do ông Trương Thanh V, sinh năm 1981 làm chủ, L cầm được 11.000.000 đồng. Đến ngày 16/11/2021, P đến Công an trình báo.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 42 ngày 03/12/2021 của Hội đồng Thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius biển số 68C1-568.80 màu xám- đen, số khung 3740KY029131, số máy E32VE081134, trị giá 16.295.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số:22/CT-VKSND-TL ngày 31/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh Minh L về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Danh Minh L phạm tội: "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Danh Minh L** từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585 và 589 Bộ luật dân sự, xử: Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Trương Thanh V số tiền 11.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền L nghĩa vụ liên quantại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 05/11/2021 Danh Minh L đi đến nhà chị Danh Thị Bé Th trú tại khu phố MA, thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG để nhậu cùng Danh L, Thị Kim K, Đặng Văn P1 và anh Danh Hoài P. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì cả nhóm nghỉ nhậu. Lúc này, L thấy anh P đang nằm ngủ trên võng nên đã lén lấy xe anh P chạy đi RG chơi. Đến ngày 10/11/2021 L đem xe anh P đến tiệm cầm đồ "V 111" cầm được 11.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Theo kết quả định giá tài sản thì chiếc xe mà L lấy trộm của anh Danh Hoài P có giá trị là 16.295.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".* Đối chiếu với quy định nêu trên thì hành vi của bị cáo Danh Minh Lđã đủ yếutố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản"như đã viện dẫn.

2.1 Đối với Đặng Văn P1 trong ngày xảy ra vụ án P1 đã có hành vi điều khiển xe anh P chở L đi thành phố RG. Tuy nhiên trong quá trình điều tra đã chứng minh được việc L lén lấy chìa khóa xe của P để đưa cho P1 thì P1 hoàn toàn không

biết. Do đó, không có đủ cơ sở để truy tố P1 về tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành nên nhận thức được việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù nhận thức được điều đó, thế nhưng với bản chất tham lam, lười lao động nên khi nhìn thấy anh P nhậu say nằm ngủ không còn khả năng bảo quản tài sản, bị cáo liền lén lấy trộm xe của anh P rồi sau đó đem đi cầm để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống vật chất của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tại địa P nơi xảy ra vụ án. Do đó, HĐXX nghị án thảo luận nhận thấy cần phải có mức án nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo nhằm phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, qua hồ sơ thể hiện thì vào năm 2007 bị cáo đã 01 lần bị Toà án xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" tuy đã được xoá án tích nhưng qua đây thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu. Đồng thời cho thấy sau khi phạm tội bị cáo lại bỏ trốn gây cản trở, khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố nên qua đây cần xem xét về thái độ ăn năn của bị cáo khi lượng hình mới là tương xứng.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo,bị cáo là người dân tộc thiểu số nên việc am hiểu pháp luật phần nào còn hạn chế. Do đó, cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sựđể xem xét khi lượng hình là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

7.1 Do tài sản bị mất trộm bị hại anh Danh Hoài P đã được nhận lại và do anh P không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

7.2 Tại phiên toà người có quyền L liên quan anh Trương Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn anh V có thể hiện rỏ là anh yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền 11.000.000 đồng mà anh đã bỏ ra cầm xe bị cáo, ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu anh V nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Không có nên không xem xét.

[9] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

Căn cứ vàokhoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51và Điều 38 Bộ luật hình sựnăm 2015.

Tuyên bố bị cáo Danh Minh L phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:Xử phạt bị cáo **Danh Minh L 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 14/01/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo Danh Minh L 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử: Buộc bị cáo Danh Minh L phải trả lại cho anh Trương Thanh V số tiền 11.000.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Danh Minh L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và (11.000.000 x 5%)= 550.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáocó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Kiên Giang;
-Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại và NLQ;
- Lưu hồ sơ.

Mai Tấn Đẩu